

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ - ST

Ngày 28/5/2020.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Phạm Thế S, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn X, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị X có mặt, anh S vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh X trình bày: Giữa tôi và anh Phạm Thế S có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới tôi và anh S về chung sống với nhau tại thôn X, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Hai vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Khoảng nửa năm trở lại đây tình cảm vợ chồng càng rạn nứt và chúng tôi đã sống ly thân. Hiện nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Thế S.

Về con chung, theo chị X khai vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Phạm M, sinh ngày 17/01/2018. Khi ly hôn chị X đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh S đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2020, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Thế S trình bày: Thừa nhận việc kết hôn giữa anh S và chị X đúng như chị X trình bày nêu trên. Về quá trình chung sống theo anh S thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian khoảng 3 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như giải quyết các vấn đề khác trong gia đình. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hiểu nhau hơn nhưng không có kết quả do quan điểm và cách suy nghĩ khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân trong khoảng 6 tháng trở lại đây. Anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh S cũng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm M, sinh ngày 17/01/2018. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị X đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Thế S hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Thôn X Đài, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Phạm Thị Thanh X và anh Phạm Thế S là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn X, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian khoảng 3 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của cả hai bên là do quan điểm sống và cách sống của vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như giải quyết các vấn đề khác trong gia đình. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, hòa giải nhằm hiểu nhau hơn nhưng không có kết quả do quan điểm và cách suy nghĩ khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng hơn và thực tế vợ chồng chị X và anh S đã sống ly thân trong khoảng 6 tháng trở lại đây. Bản thân anh S không đồng ý ly hôn nhưng lại vắng

mặt trong phiên hòa giải thứ hai và làm đơn xin xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh S cũng không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Còn chị X thì kiên quyết khẳng định không còn tình cảm, tình thương yêu với anh S nữa. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị Thanh X và anh Phạm Thế S đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thanh X xử cho chị Phạm Thị Thanh X được ly hôn anh Phạm Thế S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai vợ chồng là thống nhất nên Toà án xác định chị X và anh S có 01 con chung, là cháu Phạm M, sinh ngày 17/01/2018. Xét thực tế chị X, anh S đều khỏe mạnh, không bị cơ quan Nhà nước xử lý về hành vi vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ. Chị X có việc làm ổn định với mức lương trung bình 4 tháng gần đây là 5.138.882 đồng. Nên cả anh S và chị X đều có đủ điều kiện, khả năng nuôi con chung. Tuy nhiên do cháu M còn quá nhỏ, mới hơn hai tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó cần giao con chung Phạm M cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là thoả đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị X không yêu cầu nên không buộc anh S phải đóng góp tiền nuôi con chung là thoả đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị X và anh S đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

[5] Về án phí: Chị X phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Thanh X được ly hôn vắng mặt anh Phạm Thế S.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thanh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm M, sinh ngày 17/01/2018 kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, anh S không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Thanh X phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001275 ngày 19/12/2019.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Q